

Số: **686/2022/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 670/2022/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- **Chị Bùi Ngọc B**, Sinh năm: 1993. Đăng ký Hộ khẩu thường trú: thôn P, xã A, huyện Q, tỉnh T. Nơi làm việc: Số 101 ngõ 55 đường H, phường N, quận B, thành phố H.

- **Anh Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1990. Đăng ký Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố H của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của chị Bùi Ngọc B và anh Nguyễn Văn Đ là hợp pháp theo Giấy đăng ký kết hôn số 23/2020 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh N vào ngày 06 tháng 10 năm 2020.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Bùi Ngọc B** và anh **Nguyễn Văn Đ** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Bùi Ngọc B và anh Nguyễn Văn Đ xác nhận có một con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2021. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận để chị B là người trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ghi nhận tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Bùi Ngọc B và anh Nguyễn Văn Đ xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Chị Bùi Ngọc B và anh Nguyễn Văn Đ xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Bùi Ngọc B tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002315 ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhung